

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 150/2024/DS-PT
Ngày: 22-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thu;

Bà Đinh Thị Ngọc Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 2 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Châu Thị Em L, sinh năm 1964; địa chỉ: Số B, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** Ông Võ Thành C, sinh năm 1977; địa chỉ: Số D, ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Long An. Tạm trú: Số D, ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Long An.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Bùi Thị Thu V, sinh năm 1985; địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Võ Thành C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Châu Thị Em L trình bày:

Ngày 12/8/2016, ông Võ Thành C có thỏa thuận vay bà Em L số tiền 600.000.000đ nhưng do bà không có tiền nên bà với ông C có ra Văn phòng công chứng ký hợp đồng vay số tiền 400.000.000đ. Khi vay 400.000.000đ này thì ông C có đưa bà giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy vay tiền được công chứng tại Văn phòng C1 cùng ngày.

Hai ngày sau thì bà đưa tiếp cho ông C thêm 200.000.000đ nữa, khi đưa cho ông C không có ra công chứng mà chỉ lập giấy tay ở nhà (*hiện giấy này bà không còn giữ*). Vài tháng sau (bà không nhớ rõ ngày tháng) thì ông C tiếp tục vay bà thêm 400.000.000đ nữa cũng chỉ làm giấy tay chứ không có ra công chứng.

Sau đó, ông C có xuống đề nghị bà cho mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông C lo việc ly hôn và phân chia tài sản với vợ nên bà yêu cầu ông C phải ra công chứng ký giấy cho bà xác định là vay tổng cộng 1.000.000.000đ thì bà mới cho ông C lấy giấy về. Ông C đồng ý ra công chứng lập hợp đồng vay tiền với bà vào ngày 03/7/2017. Sau đó, ông C đã nhận lại sổ đỏ nhưng cho đến nay chưa trả tiền cho bà.

Do bà chỉ quen biết ông C qua sự giới thiệu của bà Bùi Thị Thu V nên để làm tin thì bà cùng với ông C, bà Bùi Thị Thu V có lập một “Biên nhận” viết tay trong đó có thỏa thuận người cùng chịu trách nhiệm là bà Bùi Thị Thu V. Nay bà xác định bà chỉ yêu cầu ông C trả tiền chứ không yêu cầu bà Bùi Thị Thu V trả số tiền vay là 1.000.000.000đ.

Bị đơn, ông Võ Thành C trình bày: Năm 2016, ông có vay bà Châu Thị E Lớn số tiền 420.000.000đ có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông là Võ Thành C. Tuy ông đứng tên vay tiền nhưng thực tế là ông vay giùm cho bà Bùi Thị Thu V. Sau đó, bà Thu V và bà E Lớn tiếp tục giao dịch với nhau thêm 200.000.000đ nhưng ông không biết nên khi ông gặp bà Em L để xin chuộc lại sổ đỏ thì ông mới phát hiện ra số tiền ông đang thiếu bà Em L lên đến 620.000.000đ. Bà E L nói với ông là nếu ông muốn chuộc sổ thì phải ký tên cho bà vay số tiền là 1.000.000.000đ. Ông muốn lấy lại sổ nên đồng ý ký tên để lấy sổ. Sau đó ông mượn tiền của người nhà là 700.000.000đ để trả cho bà Em L, cụ thể là ông đưa bà Thu V chuyển trả cho bà E Lớn thông qua chuyển khoản ngân hàng với số tiền tổng cộng là 430.000.000đ, số tiền còn lại là trả tiền mặt là 270.000.000đ do bà V đưa trực tiếp cho bà Em L. Sau khi ông trả xong số tiền này thì bà Em L mới hủy những giấy cũ trước đó nhưng lại không hủy cái giấy 1.000.000.000đ mới này với lý do là bà V vẫn còn làm ăn chung với bà Em L. Do ông vay giùm bà Bùi Thị Thu V số tiền này nên ông và bà Bùi Thị Thu V có lập 01 văn bản ngày 12/02/2018 để xác định việc ông chỉ đứng tên vay bà Em L giùm bà V. Ông xác định là ông đã trả xong số tiền vay của bà Em L nên bà E L yêu cầu ông trả số tiền 1.000.000.000đ là ông không đồng ý.

Kèm theo lời trình bày, ông C nộp cho Tòa 08 “Giấy nộp tiền” (bản chính) là những lần bà Thu V chuyển khoản trả nợ cho bà Em L và 01 văn bản cam kết của bà Bùi Thị Thu V xác nhận ông mượn nợ giùm bà V (bản chính).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thu V trình bày: Năm 2015, bà quen biết ông C. Đến năm 2016, ông C có đề cập đến chuyện vay tiền bà.

Do bà không có tiền nên bà mới dẫn ông C đến gặp bà Em L vay số tiền 600.000.000đ nhưng bà Em L không có đủ nên chỉ cho ông C vay 400.000.000đ, có lập văn bản tại phòng công chứng. Sau đó, bà Em L có cho ông C vay thêm 02 lần, một lần là 200.000.000đ và một lần là 400.000.000đ. Trong những lần vay này ông C đã đưa bà E Lớn giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C đứng tên. Năm 2017, ông C mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói là để lo thủ tục ly hôn nhưng chưa trả tiền cho bà E Lớn nên bà E Lớn yêu cầu ông C ra lập văn bản công chứng xác định số tiền vay là 1.000.000.000đ thì mới trả giấy. Bà xác định số tiền 1.000.000.000đ là do ông C tự vay, không phải là vay giùm bà như ông C trình bày.

Bà xác định trong khoảng thời gian 2015 đến năm 2018, bà và ông C chung sống như vợ chồng và có chung 01 đứa con. Trong khoảng thời gian này do bà và ông C có vướng vào tội hình sự lừa đảo, do đó ông C yêu cầu bà viết cho ông một giấy nhận số tiền 700.000.000đ chứ thực chất bà không có nhận số tiền này. Nếu ông C có yêu cầu bà trả số tiền này thì ông C có quyền khởi kiện yêu cầu bà trả nợ bằng một vụ án khác.

Ngày 03/8/2022, bà cũng có viết cho bà Châu Thị E Lớn một giấy xác nhận sự việc ông C vay tiền bà E Lớn đúng như bà đã trình bày ở trên. Còn các chứng từ mà ông C trình bày về việc bà nhận tiền ông C để trả cho bà E Lớn thông qua chuyển khoản và tiền mặt, bà xác định bà không có nhận 700.000.000đ từ ông C để trả cho bà Em L, còn các chứng từ chuyển khoản do ông C trưng ra tại Tòa án đều là giấy chuyển khoản của bà cho bà E Lớn để trả các khoản nợ của bà với bà Em L, không có trả khoản tiền vay nào của ông C với bà Em L. Sau khi chuyển khoản xong thì bà và bà Em L cũng có chốt sổ nợ và bà đã có ký nhận chốt sổ như bà Em L trình bày. Những giấy chuyển khoản này thì vào năm 2018, bà đang sống chung nhà với ông C thì có lần bà đi vắng thì bị trộm vào nhà cạy cửa lấy mất một số tài sản, giấy tờ trong đó có những giấy tờ chuyển khoản này giữa bà với bà Em L nhưng nay ông C đưa ra các giấy này thì bà mới biết những giấy này do ông C lấy. Bà xác định trong khoảng thời gian 2018 bà chuyển khoản cho bà E Lớn rất nhiều lần chứ không phải chỉ có 08 lần như ông C trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Em L về việc yêu cầu ông Võ Thành C trả cho bà số tiền vay là 1.000.000.000 đồng.

Buộc ông Võ Thành C trả cho bà Châu Thị E Lớn số tiền vay là 1.000.000.000 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: ông Võ Thành C phải trả cho bà Châu Thị E Lớn số tiền 5.000.000đ chi phí tố tụng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi thực hiện nghĩa vụ do chậm trả tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Võ Thành C phải chịu 42.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Châu Thị Em L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Châu Thị Em L được nhận lại số tiền 21.000.000đ theo biên lai thu số 0001931 ngày 30/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, hướng dẫn thi hành án.

Ngày 27/9/2023, bị đơn ông Võ Thành C kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị Em L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Võ Thành C trình bày tranh luận: Số nợ này là của bà Bùi Thị Thu V, không phải là nợ của ông và ông cũng đã đưa bà V số tiền 700.000.000 đồng để trả cho bà E Lớn nên ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà Em L.

Nguyên đơn bà Châu Thị Em L trình bày tranh luận: Ông Võ Thành C là người ký Hợp đồng vay tiền ngày 03/7/2017, được công chứng cùng ngày tại Văn phòng công chứng Trần Ngọc Xuân T và ký Biên nhận tiền ngày 03/7/2017 nên ông Võ Thành C có trách nhiệm trả bà số tiền 1.000.000.000 đồng theo hai giấy vay tiền nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thu V trình bày tranh luận: Bà không có nhận ông C 700.000.000 đồng như lời ông C trình bày. Trường hợp ông C có tài liệu chứng cứ chứng minh có đưa bà 700.000.000 đồng thì có quyền khởi kiện bà. Riêng đối với các Giấy chuyển tiền mà ông C cung cấp là các Giấy chuyển tiền bà chuyển trả khoản nợ 750.000.000 đồng mà bà vay bà Em L vào ngày 03/02/2016.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của ông Võ Thành C thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ông Võ Thành C thừa nhận có ký tên vào hợp đồng vay tiền ngày 03/7/2017 với số tiền vay là 1.000.000.000đồng. Tuy nhiên, ông C cho rằng từ năm 2016, ông có vay bà Châu Thị E Lớn số tiền 420.000.000đ có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông là Võ Thành C. Tuy ông đứng tên vay tiền nhưng thực tế là ông vay giùm cho bà Bùi Thị Thu V. Sau đó bà Thu V và bà Em L tiếp tục giao dịch với nhau thêm 200.000.000đ nhưng ông không biết nên khi ông gặp bà Em L để xin chuộc lại sổ đỏ thì ông mới phát hiện ra số tiền ông đang thiếu bà Em L lên đến 620.000.000đ. Bà E L nói với ông là nếu ông muốn chuộc sổ thì phải ký tên xác nhận đã vay bà Em L số tiền là 1.000.000.000đ. Ông muốn lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đồng ý ký tên để lấy giấy chứ thực chất ông không có vay bà Em L số tiền này. Hiện ông xác định là ông chỉ vay

bà E Lớn số tiền 420.000.000đ và ông có các giấy tờ chứng minh rằng ông đã chuyển khoản trả nợ xong cho bà E Lớn nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Em L.

Tuy nhiên, lời trình bày của ông C không được bà Em L và bà Thu V thừa nhận. Các chứng từ chuyển khoản mà ông C cung cấp để chứng minh việc ông chuyển trả tiền cho bà Em L là không có căn cứ vì những khoản tiền này do bà Thu V là người thực hiện giao dịch và khi chuyển cho bà E Lớn thì giao dịch chuyển tiền lại có nội dung “Thu Vân CT”, không có nội dung thể hiện là ông C chuyển trả tiền cho bà Em L, bà Thu V cũng xác định giấy chuyển khoản của bà cho bà E Lớn để trả các khoản nợ của bà với bà Em L, không có trả khoản tiền vay nào của ông C với bà Em L. Ngoài ra, ông C cho rằng ông vay tiền bà Em L là vay giùm cho bà Thu V và bà Thu V có làm giấy xác nhận sự việc này. Bà Thu V cũng thừa nhận có viết cho ông C 01 văn bản xác nhận có nhận của ông C 700.000.000đ do ông C yêu cầu bà V1 chứ thực chất bà không có nhận số tiền này. Xét thấy, giao dịch giữa ông C và bà V được xác định là một giao dịch khác không liên quan đến vụ án này nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông C. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà E Lớn buộc ông C trả số tiền vay 1.000.000.000đồng là có cơ sở. Ông Võ Thành C kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Thành C. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của ông Võ Thành C thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Thành C:

Xét thấy, ngày 12/8/2016, ông Võ Thành C ký hợp đồng vay tiền, thỏa thuận vay của bà Châu Thị E Lớn số tiền 400.000.000 đồng, không lãi suất, thời gian vay là 06 tháng tính từ ngày 12/8/2016. Hợp đồng vay tiền được Văn phòng C2 cùng ngày. Ngày 03/7/2017, ông Võ Thành C tiếp tục ký hợp đồng vay tiền, thỏa thuận vay của bà Châu Thị E Lớn số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời gian vay là 02 tháng tính từ ngày 03/7/2017 đến ngày 03/9/2017, Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Ngọc Xuân T. Cùng ngày 03/7/2017, ông Võ Thành C ký Biên nhận xác nhận có nhận của bà Châu Thị E Lớn số tiền 1.000.000.000 đồng và mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất diện tích 23.535m² của ông đã thế chấp cho bà Em L.

Bị đơn ông Võ Thành C trình bày cho rằng năm 2016 ông có thỏa thuận vay bà Châu Thị E Lớn số tiền 420.000.000đ cho bà Bùi Thị Thu V, khi vay ông có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông là Võ Thành C. Thời gian sau, ông đến gặp bà Em L để chuộc lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới biết bà V vay thêm của bà Em L số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 03/7/2017, ông ký hợp đồng vay tiền thừa nhận vay của bà E Lớn số tiền 1.000.000.000 đồng (bao gồm số tiền vay 620.000.000 đồng của bà V và tiền lãi). Sau đó, ông có đưa bà V

700.000.000 đồng để trả cho bà E Lớn xem như ông đã trả xong nợ cho bà Châu Thị E Lớn. Thấy rằng, theo văn bản đề ngày 12/02/2018 của bà Bùi Thị Thu V (BL104) và theo Biên bản hòa giải ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An bà Bùi Thị Thu V trình bày có nhận của ông C số tiền 700.000.000 đồng nhưng để trả khoản vay 750.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 03/02/2016 của bà với bà Em L. Nguyên đơn bà Châu Thị Em L cũng thừa nhận có nhận của bà V số tiền 700.000.000 đồng của bà V nhưng để thanh toán khoản nợ 750.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 03/02/2016. Riêng đối với khoản nợ 1.000.000.000 đồng ngày 03/7/2017 do ông C chưa trả nên bà khởi kiện chỉ yêu cầu một mình ông C trả số nợ trên. Ngoài ra, quá trình tố tụng, ông C cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh ông đã trả xong bà Châu Thị E Lớn số tiền vay 1.000.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 03/7/2017. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Châu Thị Em L, buộc ông Võ Thành C có trách nhiệm trả cho bà Châu Thị E Lớn số tiền 1.000.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 03/7/2017 là có căn cứ.

Riêng đối với số tiền 700.000.000 đồng mà ông Võ Thành C trình bày đã giao cho bà Bùi Thị Thu V nếu sau này có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và lời trình bày của nguyên đơn, không chấp nhận lời trình bày của bị đơn ông Võ Thành C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Thành C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Thành C;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 217, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị E Lớn về việc yêu cầu ông Võ Thành C trả số tiền vay là 1.000.000.000 đồng.

Buộc ông Võ Thành C trả cho bà Châu Thị E Lớn số tiền vay là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

2. Về chi phí tố tụng: ông Võ Thành C phải trả cho bà Châu Thị E Lớn số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng chi phí tố tụng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi thực hiện nghĩa vụ do chậm trả tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Võ Thành C phải chịu 42.000.000 (bốn mươi hai triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Châu Thị Em L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Châu Thị Em L được nhận lại số tiền 21.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001931 ngày 30/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Thành C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002645 ngày 27/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thành phố Tân An;
- Chi cục THADS thành phố Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Trọng Nhân